



03/06/22

**DAILY** MORNING

**OPEC+ nhất trí  
nâng sản lượng dầu**

## Điểm tin vĩ mô

### Thế giới:

- Dow Jones tăng 435.05 điểm (+1.33%) lên 33,248.29 điểm, S&P 500 tăng 1.84% lên 4,176.81 điểm, NASDAQ tăng +2.69% lên 12,316.90 điểm.
- Lạm phát giá cả tiêu dùng tại Anh trong tháng 5 tăng lên mức 2.8%, cao nhất kể từ tháng 7/2011.
- ISM: Chỉ số chế tạo của Mỹ đã tăng trưởng từ mức 55.4 (tháng 4) lên 56.1 trong tháng 5.
- OPEC+ nhất trí nâng sản lượng dầu cao hơn dự báo ở mức 648,000 thùng/ngày trong tháng 7-8/2022.
- Thị trường lao động Mỹ ổn định trong tháng 5, tỷ lệ thất nghiệp Mỹ được dự báo giảm xuống mức 3.5%, thấp nhất kể từ năm 1969.

### Trong nước

- VASEP: Luỹ kế 5 tháng đầu năm 2022, xuất khẩu thủy sản đạt kim ngạch trên 4.6 tỷ USD, tăng 42% so với cùng kỳ năm ngoái.
- Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công của TP HCM sau tháng 5 đạt 13.5% kế hoạch năm, thấp hơn mức trung bình 22.4% của cả nước.
- Tổng cục Thống kê: Tổng thu NSNN 5 tháng đầu năm ước đạt 806,400 tỷ đồng, thực hiện 57% dự toán năm và tăng 18.7% so với cùng kỳ năm trước.
- Để đảm bảo bình ổn giá xăng, chính phủ Malaysia đồng ý xuất sang Việt Nam 300,000 lít xăng với giá thấp bằng nửa giá xăng Việt Nam
- Nikkei: Lần đầu tiên trong lịch sử, Apple đưa một số hoạt động sản xuất iPad ra khỏi Trung Quốc và chuyển sang Việt Nam.

## Điểm tin doanh nghiệp

- DPG: Chia cổ tức 10% bằng tiền mặt, khoảng 63 tỷ đồng, thanh toán từ ngày 6/7.
- NBB: CII đăng ký bán thêm 10 triệu cổ phiếu NBB để giảm sở hữu từ 49% về còn 39.02% VDL, giao dịch dự kiến thực hiện từ 6/6 đến 5/7.
- OPC: Người thân lãnh đạo đồng loạt đăng ký bán ra cổ phiếu dù cho lợi nhuận quý 1 công ty tăng trưởng tốt.
- VCI: Bán ra 200,000 cổ phiếu HDG để giảm sở hữu từ 6.03% về còn 5.94% VDL.
- NDN: Tái bổ nhiệm quyền Kế toán trưởng Dương Thị Thanh Hải từ ngày 1/6.
- TNG: Doanh thu tiêu thụ tháng 5/2022 đạt 666 tỷ đồng vượt 2% so với kế hoạch.
- VDN: Dự kiến năm 2022, tổng DT ở mức 657 tỷ đồng và LNTT 10 tỷ đồng (năm 2021 lỗ 4 tỷ đồng).
- LDG: Không thể tổ chức ĐHĐCĐ do không đủ tỷ lệ tham gia theo quy định.
- BFC: Chi hơn 110 tỷ đồng trả cổ tức tiền mặt năm 2021 tỷ lệ 20%, thanh toán ngày 30/6.
- SKH: Chi 48 tỷ đồng trả cổ tức năm 2021 với tỷ lệ 14.55%, thanh toán ngày 30/6.
- VSI: Chốt quyền trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền mặt tỷ lệ 20%, tương đương 26 tỷ đồng, thanh toán ngày 27/6.
- STT: Báo lỗ 7 năm liên tiếp, nâng lỗ lũy kế lên hơn 107 tỷ đồng.

### Điểm nhấn thị trường

- |                                         |         |
|-----------------------------------------|---------|
| <a href="#">1. TTCK Thế giới</a>        | Trang 2 |
| <a href="#">2. TTCK Việt Nam</a>        | Trang 3 |
| <a href="#">3. Giao dịch khối ngoại</a> | Trang 4 |
| <a href="#">4. Thị trường hàng hóa</a>  | Trang 5 |

# TTCK Thế giới: Chứng khoán Mỹ tăng điểm

|                      | 3/6      | % Sáng<br>3/6 | 2/6      | % Ngày | % Tuần | % Tháng |
|----------------------|----------|---------------|----------|--------|--------|---------|
| VN INDEX             |          |               | 1,288.62 | -0.84% | 1.58%  | -5.72%  |
| HNX INDEX            |          |               | 311.77   | -1.14% | -0.49% | -14.78% |
| VN30 INDEX           |          |               | 1,325.49 | -0.75% | 1.22%  | -6.48%  |
| Shanghai Composite   |          |               | 3,195.46 | 0.42%  | 2.32%  | 7.39%   |
| Nikkei 225 NKY       |          |               | 27,671.8 | 0.94%  | 3.32%  | 3.07%   |
| Korea Kospi          |          |               | 2,679.45 | 0.77%  | 2.56%  | -0.30%  |
| Straits Times STI    |          |               | 3,226.72 | -0.53% | 0.55%  | -3.25%  |
| Thailand SET         |          |               | 1,647.67 | -0.74% | 0.85%  | -1.20%  |
| Malaysia FBMKLCI     |          |               | 1,549.90 | -0.23% | 0.57%  | -2.27%  |
| Philippines PCOMP    |          |               | 6,686.83 | -0.38% | 0.62%  | -0.66%  |
| Indonesia JCI        |          |               | 7,148.72 | 0.00%  | 3.39%  | -1.09%  |
| S&P500 SPX           |          |               | 4,176.82 | 1.84%  | 4.98%  | 0.52%   |
| S&P500 Futures       | 4,180.75 | 0.13%         | 4,175.25 | 1.86%  | 3.08%  | 0.28%   |
| Dow Jones Industrial |          |               | 33,248.3 | 1.33%  | 3.51%  | 0.56%   |
| Nasdaq Composite     |          |               | 12,316.9 | 2.69%  | 7.71%  | -1.75%  |
| Euro Stoxx 50        |          |               | 3,795.13 | 0.95%  | 1.47%  | 0.90%   |
| FTSE 100 UKX         |          |               | 7,532.95 | -0.98% | 0.14%  | -0.15%  |
| Russian MOEX         |          |               | 2,340.17 | -1.45% | -3.02% | -3.47%  |

Nguồn: Bloomberg, BSC

| Shanghai Composite |           | S&P 500   |           |
|--------------------|-----------|-----------|-----------|
| Xu hướng           | Tích lũy  | Xu hướng  | Giảm điểm |
| Kháng cự           | 3200      | Kháng cự  | 4300      |
| Hỗ trợ             | 2850      | Hỗ trợ    | 3900      |
| Điểm PTKT          | TRUNG LẬP | Điểm PTKT | TRUNG LẬP |

Diễn biến S&P 500



Diễn biến Shanghai Composite



Nguồn: Bloomberg, BSC



# TTCK Việt Nam: Chưa thể vượt qua ngưỡng 1,300 điểm

| Ngành                   | % Ngày | % Tuần | % Tháng |
|-------------------------|--------|--------|---------|
| Bán lẻ                  | 1.70%  | 6.37%  | 7.43%   |
| Bảo hiểm                | 2.10%  | 2.56%  | 3.90%   |
| Bất động sản            | -0.89% | 0.46%  | 2.14%   |
| Công nghệ Thông tin     | -0.40% | 4.31%  | 0.23%   |
| Dầu khí                 | -2.54% | 3.84%  | -1.30%  |
| Dịch vụ tài chính       | -1.47% | -0.56% | -2.40%  |
| Điện, nước & xăng dầu   | -1.09% | 8.37%  | -3.12%  |
| Du lịch và Giải trí     | -2.19% | 2.00%  | -3.14%  |
| Dịch vụ Công nghiệp     | -1.92% | 2.30%  | -4.56%  |
| Hàng cá nhân & Gia dụng | 3.13%  | 5.20%  | -5.63%  |
| Hóa chất                | 1.35%  | 3.67%  | -6.93%  |
| Ngân hàng               | -1.16% | 0.52%  | -7.77%  |
| Ô tô và phụ tùng        | -1.80% | -1.96% | -7.85%  |
| Tài nguyên Cơ bản       | -2.63% | -3.68% | -7.90%  |
| Thực phẩm và đồ uống    | -0.60% | 2.52%  | -8.08%  |
| Truyền thông            | -0.17% | 1.93%  | -8.95%  |
| Viễn thông              | 0.00%  | -2.66% | -9.83%  |
| Xây dựng và Vật liệu    | 0.01%  | 2.34%  | -12.23% |
| Y tế                    | -0.29% | -1.02% | -20.65% |

Nguồn: Fiinpro, BSC



TradingView

Nguồn: Tradingview, BSC

| VN NDEX   |           |
|-----------|-----------|
| Xu hướng  | Tích lũy  |
| Kháng cự  | 1300      |
| Hỗ trợ    | 1100      |
| Điểm PTKT | TRUNG LẬP |

| Cập nhật thị trường                                                                                                                                                         |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| VN-Index vẫn tỏ ra e dè trước ngưỡng kháng cự 1300; trong những phiên tới, chỉ số có thể sẽ tiếp tục dao động quanh ngưỡng 1280-1300, chờ dòng tiền vào đẩy chỉ số bật lên. |





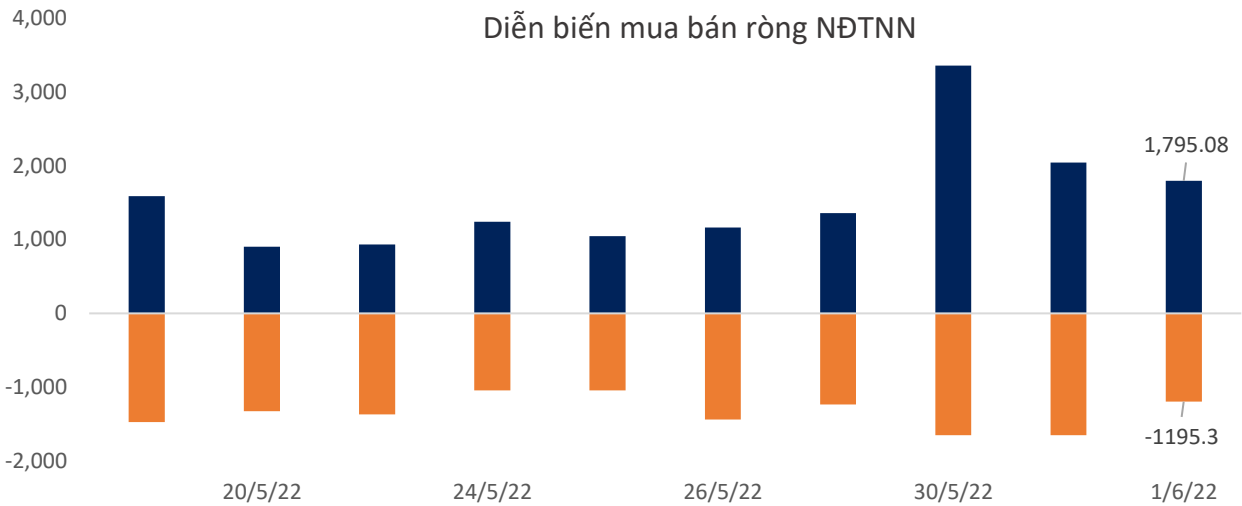
Khối ngoại: Các ETF có giao dịch trái chiều

| ETF          | AUM<br>(tr. USD) | NAV/CP<br>(USD) | ± Chứng<br>chỉ quỹ | %<br>Premium | Dòng vốn ròng (triệu USD) |       |        |        | Nhận định                                                                                                                                                                                                       |
|--------------|------------------|-----------------|--------------------|--------------|---------------------------|-------|--------|--------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|              |                  |                 |                    |              | 1D                        | 1W    | 1M     | 3M     |                                                                                                                                                                                                                 |
| E1VFN30      | 369.9            | 1.0             | (0.0)              | -2.4%        | 0.0                       | 0.3   | 4.1    | -19.5  | ETF Fubon FTSE tăng quy mô, ETF Finlead giảm nhẹ quy mô, các ETF khác có trạng thái cân bằng và giữ nguyên quy mô.<br>Khối ngoại mua ròng ở thị trường Indonesia, Malaysia và bán ròng ở các thị trường còn lại |
| FUEMAVN30    | 29.5             | 0.7             | (0.0)              | -1.9%        | 0.0                       | 0.0   | 0.8    | 3.0    |                                                                                                                                                                                                                 |
| FUESSVFL     | 126.7            | 0.8             | (0.1)              | -1.1%        | -0.1                      | 0.2   | 4.3    | -2.7   |                                                                                                                                                                                                                 |
| FUESSVN30    | 3.9              | 0.7             | (0.0)              | -1.5%        | 0.0                       | 0.0   | 0.0    | -0.3   |                                                                                                                                                                                                                 |
| FUEVFNND*    | 840.3            | 1.3             | 9.0                | -2.7%        | 11.3                      | 87.3  | 151.8  | 206.1  |                                                                                                                                                                                                                 |
| FUEVN100     | 9.3              | 0.8             | 0.0                | -2.9%        | 0.0                       | 0.4   | 1.2    | 3.0    |                                                                                                                                                                                                                 |
| FTSE Vietnam | 289.8            | 37.1            | -                  | (0.0)        | -                         | (1.7) | (3.4)  | (20.2) |                                                                                                                                                                                                                 |
| FUBON FTSE   | 541.4            | 0.5             | 1.0                | 0.0          | 0.5                       | 20.7  | 83.8   | 142.0  |                                                                                                                                                                                                                 |
| iShare       | 408.1            | 30.1            | -                  | (0.0)        | -                         | -     | (18.1) | (38.4) |                                                                                                                                                                                                                 |
| KIM          | 140.4            | 16.9            | -                  | (0.0)        | -                         | -     | (16.7) | (18.2) |                                                                                                                                                                                                                 |
| PREMIA       | 24.3             | 10.7            | -                  | -1.3%        | 0.0                       | 0.0   | -0.4   | -0.9   |                                                                                                                                                                                                                 |
| VNM          | 418.3            | 16.1            | -                  | (0.0)        | -                         | -     | (3.2)  | (28.5) |                                                                                                                                                                                                                 |

| Khối ngoại (tr. USD) | Ngày     | Lũy kể từ đầu tuần | Lũy kể từ đầu tháng |
|----------------------|----------|--------------------|---------------------|
| Việt Nam             | (21.28)  | 42.82              | 3.70                |
| ASEAN4*              | (13.55)  | 590.04             | (66.71)             |
| Ấn Độ                | (93.14)  | 73.08              | (93.14)             |
| Đài Loan             | (311.57) | 1,092.55           | (684.12)            |
| Hàn Quốc             | (114.93) | 1,097.87           | (114.93)            |
| Nhật Bản             |          | 7.08               | (1,992.50)          |
| Trung Quốc           |          |                    | (64,037.06)         |

Ghi chú: \* Thailand, Phillipines, Malaysia, Indonesia, Diamond chưa update dữ liệu ngày 02/06/22

| Credit Default Swap | MoM %  |
|---------------------|--------|
| Việt Nam            | 1.04   |
| Thái Lan            | 26.00  |
| Singapores          | 1.04   |
| Phillippines        | -19.54 |
| Malaysia            | -17.47 |



Nguồn: Fiinpro, BSC



# Thị trường hàng hóa: Dầu bột tăng

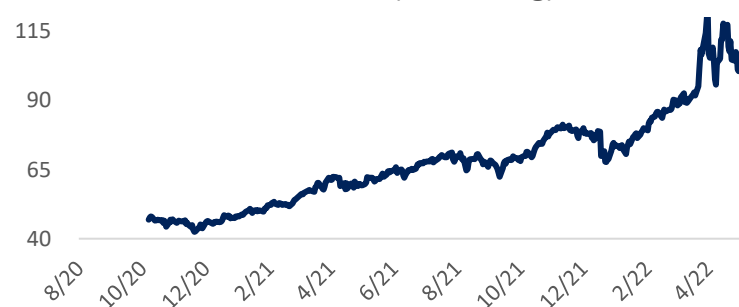
| Mặt hàng  | Đơn vị   | 3/6      | % Sáng | 2/6      | % Ngày | % Tuần | % Tháng | Tích cực           | Tiêu cực           |
|-----------|----------|----------|--------|----------|--------|--------|---------|--------------------|--------------------|
| Dầu WTI   | USD/bbl. | 117.00   | 0.11%  | 116.87   | 1.40%  | 2.55%  | 15.96%  | GAS, BSR           | PVD, PVT           |
| Dầu Brent | USD/bbl. | 117.83   | 0.19%  | 117.61   | 1.14%  | 1.96%  | 8.38%   | GAS, BSR           | PVD, PVT           |
| Xăng      | USd/gal. | 425.66   | 1.57%  | 419.09   | 2.93%  | 12.24% | 24.51%  | PLX, OIL           | HVN, VJC           |
| Vàng      | USD/oz.  | 1,873.53 | 0.26%  | 1,868.58 | 1.19%  | 1.07%  | -0.41%  | PNJ                |                    |
| Bạc       | USD/oz.  | 22.45    | 0.64%  | 22.31    | 2.17%  | 1.52%  | -2.31%  | PNJ                |                    |
| Đậu tương | USD/cwt. | 1,728.25 | -0.06% | 1,729.25 | 2.31%  | 0.10%  | 6.00%   | HKB                | DBC, QNS           |
| Lúa mì    | USd/bu.  | 1,059.75 | 0.14%  | 1,058.25 | 1.63%  | -7.30% | 1.36%   |                    | AFX                |
| Sữa       | USd/bu.  | 24.40    | 0.33%  | 24.32    | -0.53% | 0.62%  | 1.96%   | VNM, GTN, QNS      | KDC                |
| Cao su    | JPY/kg.  | 256.10   | 0.51%  | 254.80   | 0.71%  | 3.98%  | 2.60%   | DPR, PHR, HAG, HNG | SRC, CSM, DRC      |
| Đường     | USd/lb.  | 19.35    | -0.46% | 19.44    | 0.21%  | -1.68% | 2.65%   | SBT, LSS, SLS, QNS | VNM, GTN, QNS      |
| Cà phê    | USd/lb.  | 238.25   | -0.50% | 239.45   | 3.55%  | 9.77%  | 10.35%  | CTP, DLG           | VCF, CTP           |
| Đồng      | USD/MT   |          |        | 9,499.50 | 0.55%  | 1.35%  | -2.76%  | MSN, ACM, BGM      | CAV, SAM, TGP, VTH |
| Thép      | CNY/MT   | 4,733.00 | 0.83%  | 4,694.00 | 0.82%  | 5.77%  | -2.03%  | HSG, HPG, NKG      | PC1, CTD, HBC      |
| Nhôm      | USD/MT   |          |        | 2,726.00 | -2.19% | -5.15% | -10.70% |                    | CAV, SAM, TGP, VTH |
| Quặng sắt | CNY/MT   | 919.00   | 1.94%  | 901.50   | 0.67%  | 11.12% | 10.13%  |                    | HPG                |
| Than      | USD/MT   |          |        | 390.75   | 0.13%  | 14.88% | 28.39%  | HLC, NBC, TNT, THT | HT1, BCC, PPC, POW |

Ghi chú: USD = US Cent

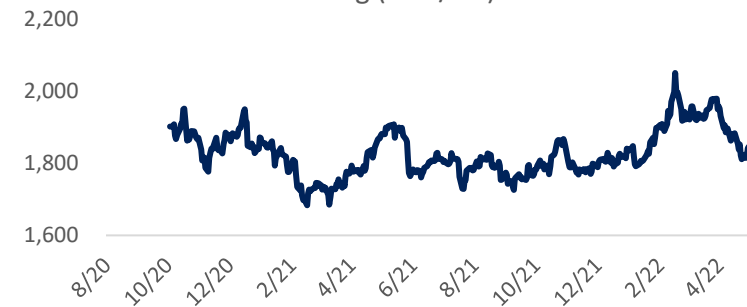
## Cập nhật thị trường

Giá dầu tăng hơn 1% trong phiên giao dịch ngày 2/6 sau khi tồn kho dầu thô của Mỹ giảm nhiều hơn dự báo trong bối cảnh nhu cầu nhiên liệu tăng cao, loại bỏ tác động từ thoả thuận tăng nguồn cung dầu thô của OPEC+ để bù vào sự sụt giảm về sản lượng của Nga.

Dầu BRENT (USD/thùng)



Vàng (USD/oz.)



Nguồn: Bloomberg, BSC

# Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của CTCP Chứng khoán BIDV.

## BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thaiholdings  
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: +84 4 3935 2722  
Fax: +84 4 2220 0669

## BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ  
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh  
Tel: +84 8 3821 8885  
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>  
Bloomberg: RESP BSCV <GO>

## Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu  
[hn.ptnc@bsc.com.vn](mailto:hn.ptnc@bsc.com.vn)  
(+84) 39352722 - Ext 108

## Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC  
[hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn](mailto:hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn)  
(+84)2439264659

## Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center  
[i-center@bsc.com.vn](mailto:i-center@bsc.com.vn)  
(+84)2437173639

# Mạng lưới Nhà đầu tư BSC

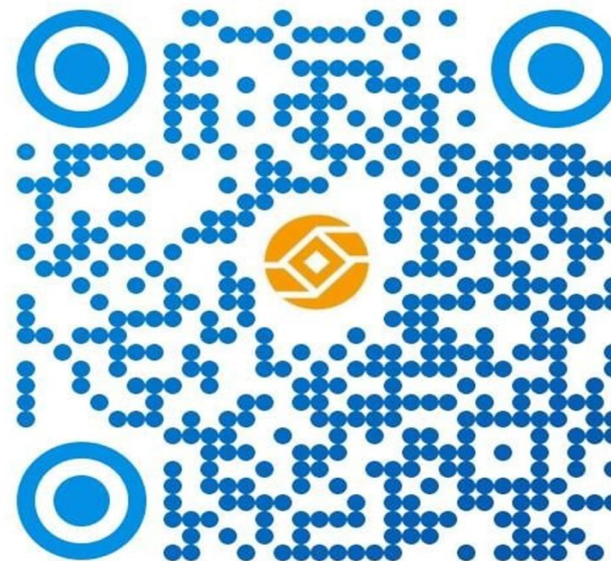
\* Quý nhà đầu tư vui lòng đặt câu hỏi tại phần bình luận để được tư vấn trực tiếp.

\* Nếu cần tư vấn thêm, vui lòng liên hệ môi giới cá nhân hoặc đại diện Trung tâm tư vấn khách hàng cá nhân i-center: [i-center@bsc.com.vn](mailto:i-center@bsc.com.vn)



## DANH MỤC BÁO CÁO BSC

Quý khách vui lòng quét mã QR bằng app Zalo để tham khảo các



## CỘNG ĐỒNG NHÀ ĐẦU TƯ BSC

Quý khách vui lòng quét mã QR bằng app Zalo để tham gia